

BÁO CÁO
CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ƯỚC THỰC HIỆN NSDP
QUÝ I NĂM 2019

Thực hiện Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh, khóa IX, kỳ họp thứ 10 về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2019 và Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh, khóa IX, kỳ họp thứ 10 về phân bổ ngân sách địa phương năm 2019, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 2979/QĐ-UBND ngày 10/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, cụ thể như sau:

- **Dự toán thu NSNN trên địa bàn 8.000 tỷ đồng.**
 - + Thu nội địa 7.350 tỷ đồng.
 - + Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu 650 tỷ đồng.
- **Dự toán chi ngân sách địa phương 8.800 tỷ đồng.**
 - + Chi cân đối NSDP 8.164,042 tỷ đồng.
 - + Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ 635,958 tỷ đồng.

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo công khai tình hình ước thực hiện NSDP quý I năm 2019 như sau:

I. VỀ THU NSNN:

Ước thực hiện thu NSNN trên địa bàn 2.841,7 tỷ đồng, đạt 35,5% dự toán, tăng 38,2% so cùng kỳ, gồm:

- Thu nội địa 2.247,4 tỷ đồng, đạt 30,6% dự toán, tăng 14,8% so cùng kỳ.
- Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu 594,3 tỷ đồng, đạt 91,4% dự toán, tăng 506,9% so cùng kỳ.

II. VỀ CHI NSDP:

Ước thực hiện chi ngân sách địa phương 1.873,8 tỷ đồng, đạt 21,3% dự toán, tăng 19,5% so cùng kỳ, trong đó:

- Chi cân đối NSDP: 1.756,5 tỷ đồng, đạt 21,5% so dự toán, tăng 22,7% so cùng kỳ, bao gồm: Chi thường xuyên 1.199,6 tỷ đồng, đạt 22% dự toán, tăng 37,6% so cùng kỳ; Chi đầu tư phát triển 553,8 tỷ đồng, đạt 22,2% dự toán, giảm 1% so cùng kỳ.

- Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ 117,4 tỷ đồng, đạt 18,5% dự toán, giảm 14% cùng kỳ.

III. CÂN ĐỐI THU, CHI NSDP

1. Tổng thu NSDP2.589,3 tỷ đồng.

- Thu NSDP hưởng 100% và thu điều tiết 2.127,9 tỷ đồng.

- Thu bổ sung từ NSTW 461,4 tỷ đồng.

2. Tổng chi NSDP.....1.970,3 tỷ đồng.

- Chi cân đối Ngân sách địa phương 1.756,5 tỷ đồng.

- Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ 117,4 tỷ đồng.

- Chi tạm ứng ngân sách 96,4 tỷ đồng.

3. Tồn quỹ NSDP (1-2) 619 tỷ đồng.

- Ngân sách tỉnh..... 444 tỷ đồng.

- Ngân sách huyện, xã 175 tỷ đồng.

IV. ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đạt được

1.1. Về thu ngân sách

Công tác thu ngân sách được sự quan tâm chỉ đạo từ các cấp uỷ Đảng, chính quyền và sự phối hợp chặt chẽ của các sở, ban, ngành tỉnh với các huyện, thành phố; công tác phối hợp, quản lý, khai thác nguồn thu đảm bảo theo dự toán. Có 9/17 khoản thu đạt từ 25% trở lên so với dự toán, cụ thể như sau:

- Thu từ DNNN Trung ương đạt 25,2% so dự toán, tăng 16,5% so cùng kỳ, chủ yếu do một số doanh nghiệp có số nộp ngân sách tăng.

- Thu từ DN có vốn ĐTNN đạt 34,8% so dự toán, tăng 30% so cùng kỳ. Nguyên nhân đạt khá là do một số doanh nghiệp kinh doanh có hiệu quả, nên nộp thuế tăng so cùng kỳ.

- Thu từ khu vực ngoài quốc doanh đạt 27,4% so dự toán, tăng 22,7% so cùng kỳ, nguyên nhân chủ yếu do có một số doanh nghiệp xuất khẩu năm 2018, nay chuyển sang bán trong nước nên có số nộp ngân sách về thuế giá trị gia tăng tăng cao.

- Lệ phí trước bạ đạt 26,1% so dự toán, tăng 23,3% so cùng kỳ;

- Thuế Thu nhập cá nhân đạt 29,4% so dự toán, tăng 20,7% so cùng kỳ;

- Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đạt 30,7% so dự toán, tăng 27% so cùng kỳ;

- Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế đạt 40% so dự toán, giảm 22,7% so cùng kỳ;

- Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết đạt 52,3% so dự toán, tăng 7,1% so cùng kỳ, chủ yếu do Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tây Ninh nộp ngân sách lợi nhuận sau thuế còn lại năm 2018 sau khi trích lập các quỹ là 400 tỷ đồng, ước nộp ngân sách 3 tháng của Công ty TNHH MTV Xổ số điện toán Việt Nam nộp là 2 tỷ đồng;

- Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu đạt 91,4% so dự toán, tăng 506,9% cùng kỳ, số thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu của 3 tháng tăng mạnh so với dự toán và cùng kỳ năm 2018 do các doanh nghiệp được gia hạn nộp thuế giá trị gia tăng đối với máy móc thiết bị nhập khẩu tạo tài sản cố định trong năm 2018 thực hiện nộp thuế do hết thời hạn được gia hạn như Công ty cổ phần năng lượng Dầu Tiếng,...

1.2. Về chi ngân sách

Mặc dù chi ngân sách địa phương đạt thấp so dự toán nhưng đảm bảo các nhu cầu chi theo dự toán được duyệt, thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ theo đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ nhà nước quy định, trong đó, chi thường xuyên đã đảm bảo các nhu cầu chi theo chủ trương của tỉnh về thăm hỏi các đối tượng chính sách vào dịp Tết Nguyên đán Kỷ Hợi, chi đảm bảo an sinh xã hội, chi trả tiền lương và các nhiệm vụ đột xuất khác; Cụ thể, có một số khoản chi đạt và vượt so với tiến độ dự toán như: Chi sự nghiệp thủy lợi 57,6% dự toán, tăng 384,2% so cùng kỳ do cấp bù miễn thu thủy lợi phí; Chi đảm bảo xã hội đạt 42,5% so dự toán, tăng 2,4% so cùng kỳ chủ yếu do chi hỗ trợ tiền Tết Kỷ Hợi năm 2019 phát sinh vào đầu năm; Chi thường xuyên của các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ đạt 28% so dự toán, tăng 16,2% so cùng kỳ;

2. Những khó khăn:

2.1. Về thu ngân sách:

Mặc dù tổng thu ngân sách nhà nước đạt khá nhưng vẫn còn 8/17 khoản thu đạt dưới 25% so với dự toán, cụ thể:

- Thu từ DNNN địa phương đạt 20,2% so dự toán, tăng 11,2% so cùng kỳ;
- Thuế Sử dụng đất phi nông nghiệp đạt 23,6% so dự toán, tăng 30,5% so cùng kỳ;
- Thuế bảo vệ môi trường đạt 21% so dự toán, tăng 32,8% so cùng kỳ;
- Phí và lệ phí đạt 23,8% so dự toán, tăng 14,3% so cùng kỳ;
- Thu tiền sử dụng đất đạt 21,8% so dự toán, tăng 22,8% so cùng kỳ;
- Thu tiền thuê đất đạt 3% so dự toán, giảm 19,2% so cùng kỳ, nguyên nhân do các khoản thu này chưa tới hạn nộp thuế;
- Thu khác ngân sách đạt 20,1% so dự toán, giảm 29,7% so cùng kỳ;
- Các khoản thu tại xã đạt 24,6% so dự toán, giảm 8,7% so cùng kỳ;

2.2. Về chi ngân sách

Một số khoản chi đạt thấp so với dự toán:

- Chi đầu tư phát triển đạt 22,2% so dự toán, giảm 1% so cùng kỳ, tiến độ giải ngân thấp so dự toán do các tháng đầu năm trùng vào dịp tết nguyên đán Kỷ Hợi nên tiến độ triển khai các dự án còn chậm, dẫn đến khối lượng thực hiện chưa nhiều và tiến độ giải ngân chưa đảm bảo tiến độ dự toán.

- Một số khoản chi sự nghiệp đạt thấp so dự toán (chủ yếu tại các lĩnh vực: nông nghiệp 21,3%, giao thông 17,7%, kiến thiết thị chính 16,9%, sự nghiệp kinh tế khác 16,1%, sự nghiệp môi trường 16,7%,...), chủ yếu do: tiến độ triển khai thực hiện của các đơn vị dự toán còn chậm; riêng nguồn vốn sự nghiệp quy hoạch chưa giải ngân được do Luật Quy hoạch năm 2017, có hiệu lực thực hiện từ ngày 01/01/2019 (chưa có Nghị định và Thông tư hướng dẫn thực hiện Luật), trong đó quy định “chi phí lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch được sử dụng từ vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công”.

- Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ đạt 18,5% so dự toán, gồm: Chi chương trình mục tiêu quốc gia đạt 8,4% so dự toán và chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ đạt 21,4% so dự toán; nguyên nhân đạt thấp chủ yếu do việc phân khai vốn chương trình mục tiêu quốc gia và việc tổ chức triển khai thực hiện còn chậm; mặt khác do các đơn vị tập trung giải ngân và thực hiện các nhiệm vụ chính lý chi ngân sách năm 2018 nên cũng ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân năm 2019.

(Chi tiết theo biểu số 59/CK-NSNN, 60/CK-NSNN và 61/CK-NSNN).

Trên đây là báo cáo công khai tình hình ước thực hiện dự toán ngân sách địa phương quý I năm 2019.

Nơi nhận:

- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VP ĐBQH, HĐND&UBND (Đăng Công thông tin điện tử tỉnh TN);
- Sở Tài chính (Đăng Công thông tin điện tử STC);
- Lưu: VT.

9

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Dương Văn Thắng

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số: 121/BC-UBND ngày 05/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2019	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I NĂM 2019	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN	CÙNG KỲ
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	8.000.000	2.841.667	35,5%	138,2%
1	Thu nội địa	7.350.000	2.247.376	30,6%	114,8%
2	Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	650.000	594.291	91,4%	606,9%
B	TỔNG THU NSDP	8.739.100	2.589.310	29,6%	112,4%
1	Thu NSDP được hưởng (thu 100% và điều tiết)	6.743.343	2.127.882	31,6%	118,9%
2	Thu bổ sung từ NSTW	1.992.689	461.428	23,2%	89,6%
	- Bổ sung cân đối	1.356.731	330.000	24,3%	100,0%
	- Bổ sung các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	635.958	131.428	20,7%	71,0%
3	Thu chuyển nguồn	3.068		0,0%	
C	TỔNG CHI NSDP	8.800.000	1.970.291	22,4%	119,5%
I	Chi cân đối NSDP	8.164.042	1.756.462	21,5%	122,7%
II	Chi tạm ứng		96.471		
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	635.958	117.358	18,5%	86,0%
D	BỘI CHI NSDP	60.900			
E	CHI TRẢ NỢ GỐC	16.815			

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số: 121 /BC-UBND ngày 04/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2019	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I NĂM 2019	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN	CÙNG KỲ
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (I+II)	8.000.000	2.841.667	35,5%	138,2%
I	Thu nội địa	7.350.000	2.247.376	30,6%	114,8%
1	Thu từ Doanh nghiệp nhà nước	625.000	150.935	24,1%	115,5%
1.1	Thu từ DNNN trung ương	490.000	123.654	25,2%	116,5%
1.2	Thu từ DNNN địa phương	135.000	27.280	20,2%	111,2%
2	Thu từ DN có vốn ĐTNN	470.000	163.577	34,8%	130,0%
3	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	1.600.000	438.286	27,4%	122,7%
4	Lệ phí trước bạ	325.000	84.889	26,1%	123,3%
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	8.000	1.887	23,6%	130,5%
6	Thuế thu nhập cá nhân	710.000	208.793	29,4%	120,7%
7	Thuế bảo vệ môi trường	705.000	147.982	21,0%	132,8%
8	Thu phí, lệ phí	460.000	109.267	23,8%	114,3%
9	Thu tiền sử dụng đất	360.000	78.490	21,8%	122,8%
10	Thu tiền thuê đất	290.000	8.618	3,0%	80,8%
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	21.000	6.437	30,7%	127,0%
12	Thu khác ngân sách	230.000	46.225	20,1%	72,3%
13	Các khoản thu tại xã	21.000	5.169	24,6%	91,3%
14	Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế	10.000	4.000	40,0%	77,3%
15	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	1.515.000	792.819	52,3%	
II	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	650.000	594.291	91,4%	606,9%
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG 100% VÀ ĐIỀU TIẾT	6.743.343	2.127.882	31,6%	118,9%

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số: 121 /BC-UBND ngày 05/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2019	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I NĂM 2019	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NSDP	8.800.000	1.873.820	21,3%	119,5%
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	8.164.042	1.756.462	21,5%	122,7%
I	Chi đầu tư phát triển	2.491.920	553.823	22,2%	99,0%
1	Chi đầu tư XD CB	2.419.920	553.823	22,9%	99,0%
2	Chi đầu tư phát triển khác	72.000	0	0,0%	
III	Chi thường xuyên	5.451.538	1.199.639	22,0%	137,6%
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.179.378	459.432	21,1%	117,5%
2	Chi khoa học và công nghệ	34.970	5.993	17,1%	405,1%
3	Chi sự nghiệp y tế	473.950	85.586	18,1%	173,8%
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	81.080	20.484	25,3%	135,0%
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	66.420	12.669	19,1%	608,3%
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	33.390	7.093	21,2%	190,8%
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	126.500	21.178	16,7%	5273,8%
8	Chi sự nghiệp kinh tế	837.465	180.872	21,6%	389,5%
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	931.650	207.087	22,2%	106,2%
10	Chi bảo đảm xã hội	256.036	108.780	42,5%	102,4%
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1.600		0,0%	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000		0,0%	
V	Dự phòng ngân sách	159.400		0,0%	
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	58.584		0,0%	
VII	Chi ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội		3.000		
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ	635.958	117.358	18,5%	86,0%
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	142.318	11.886	8,4%	131,9%
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	493.640	105.472	21,4%	82,8%

